

Số: 1021/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I/2020-2021

Khóa: 2018 T4 – Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-LTT-KHTC ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKI/2020-2021;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I năm học 2020-2021 ngày 09 tháng 7 năm 2021;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề HKI/2020-2021 cho **45** sinh viên Khóa 2018 T4 – Trung cấp, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học nghề;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.19 và KQRL ≥ 93 = 03 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 24 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 70 = 17 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.46 và KQRL ≥ 100 = 01 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không có môn học lại, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ I (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKII/2020-2021, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 500.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 425.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 250.000đ/tháng/SV;

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cố vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.TTGD.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Huỳnh Tấn	Hung	18004146	18T4-CĐT1	9,51	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
2	Tô Chí	Trung	18001267	18T4-CKC1	9,55	94	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
3	Lê Phan Khánh	Thy	18000158	18T4-KTD1	9,19	93	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
	Cộng =		3										7.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập

Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng

Nguyễn Kính

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên	Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
											Tổng số		
A	B	C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Đình Khánh	18000822	18T4-ĐĐT1	8,81	83	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
2	Cao Đoàn Phú Quý	18000928	18T4-ĐĐT1	8,53	95	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
3	Trần Văn Tú	18000981	18T4-ĐĐT1	8,03	85	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
4	Nguyễn Đức Hiếu	18000616	18T4-CĐT1	8,41	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
5	Nguyễn Hữu Phúc Khang	18000795	18T4-CĐT1	8,16	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
6	Nguyễn Đình Quý	18000878	18T4-CCK1	8,81	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
7	Nguyễn Hữu Phước	18001368	18T4-CKC1	8,20	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
8	Quách Phúc Trung	18000530	18T4-CKC1	8,51	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
9	Huỳnh Hữu Phần	18000806	18T4-CNÔ3	8,90	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
10	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	18000986	18T4-CNM1	8,29	86	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
11	Lê Quang Hải	18001303	18T4-CMT1	8,37	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
12	Nguyễn Hữu Đạt	18005710	18T4-TKĐ1	8,15	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	



A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
13	Lâm Tuấn	Phong	18001347	18T4-TKĐ1	8,56	84	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
14	Nguyễn Tuấn	Dũng	18000837	18T4-LTM1	8,70	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
15	Phạm Thành	Trung	18004339	18T4-LTM1	8,42	98	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
16	Đặng Thái	Hòa	18001223	18T4-LTM2	8,66	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
17	Lê Thục	Uyên	18005112	18T4-KTD1	9,05	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
18	Huỳnh Thị	Vy	18002254	18T4-KTD1	8,92	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
19	Trần Gia	Anh	18000521	18T4-QTD1	8,18	84	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
20	Nguyễn Hồng	Minh	18000039	18T4-QTD1	8,68	96	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
21	Nguyễn Hồng	Ngân	18001106	18T4-QTD1	8,66	94	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
22	Lý Hồng Tuyết	Sương	18000079	18T4-QTD1	8,73	88	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
23	Phạm Ngọc Kim	Ngân	18001023	18T4-QTD2	8,39	97	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
24	Vũ Thị Như	Quỳnh	18003060	18T4-QTD2	8,66	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
	Cộng = 24												51.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đôi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Trần Thị Tuyết	Mai	18000336	18T4-KTD1	8,97	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
2	Trương Minh	Kha	18000275	18T4-CNÔ1	8,90	79	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
3	Hồ Ngọc Bảo	Khanh	18000077	18T4-QTM1	8,90	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
4	Nguyễn Văn	Quân	18001039	18T4-VSL1	8,74	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
5	Võ Hải	Anh	18001007	18T4-NNA2	8,73	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
6	Trần Đức	Anh	18001374	18T4-LTM2	8,72	76	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
7	Nguyễn Ngọc Khánh	Tâm	18002954	18T4-LTM2	8,51	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
8	Nguyễn Quốc	Huy	18002179	18T4-CNÔ3	8,44	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
9	Nguyễn Quốc	Huy	18001312	18T4-CNÔ5	8,33	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
10	Lữ Vĩ	Quốc	18000441	18T4-CNÔ2	8,28	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
11	Nguyễn Thị Bích	Quyên	18003378	18T4-KTD1	8,21	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
12	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	18000894	18T4-QTD2	8,11	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
13	Dương Tấn	Khang	18000268	18T4-CNÔ1	8,11	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
14	Dương Văn	Chung	18000842	18T4-VSL1	8,09	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	



2

A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
15	Nguyễn Lê Minh	Trang	18000782	18T4-NNA2	8,05	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
16	Phạm Gia	Bảo	18000274	18T4-THU1	8,01	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
17	Tăng Nguyễn Thùy	Anh	18001078	18T4-NNA2	8,00	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
18	Lê Nguyễn Xuân	Thiện	18000362	18T4-CĐT1	7,46	100	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
	Cộng = 18												22.500.000	

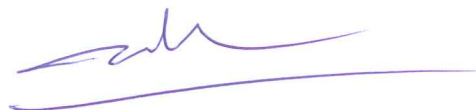
Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị




Phạm Hữu Lộc

